TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Khái lược Phật giáo Thổ Nhĩ Kỳ

ISSN: 2734-9195 16:37 21/10/2026

Một giọt nước cam lộ rơi xuống đất khô cằn sẽ hóa thành mầm xanh, một trang kinh, một ý niệm tỉnh thức được gieo vào nhân gian cũng đủ sức xoa dịu bao nỗi niềm thao thức của con người

1. Dân số: Theo số liệu do Viện Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ (TurkStat) công bố trong khuôn khổ *"Hệ thống đăng ký dân cư theo địa chỉ"*, tổng số dân số là 86.092.168 (năm 2025), nam giới: 43.059.434 (chiếm 50,02%), nữ giới: 43.032.734 (chiếm 49,98%) dân số. Có 93,6% cư dân quần tụ tại các trung tâm tỉnh thành và huyện lỵ, 6,4% là ở vùng nông thôn, làng mạc.

Hình ảnh minh hoạ

2. Dòng chảy Phật giáo: Tỷ lệ theo Phật giáo tại Thổ Nhĩ Kỳ chủ yếu là cộng đồng ngoại kiều, cộng đồng tôn giáo này hiện chưa được công nhận chính thức từ nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ.

Cơ sở dữ liệu Tôn giáo Thế giới (World Religion Database, 2025), tỷ lệ các phật tử tại quốc gia Tây Á này được định lượng như sau:

- Tỷ lệ phật tử: Chiếm 0,05% dân số Thổ Nhĩ Kỳ (so với mức 0,25% tại khu vực Tây Á và 6,51% trên bình diện toàn cầu).

Phân định theo các dòng truyền thừa:

- Phật giáo Mahayana (Đại thừa): Chiếm 0,04% nhân khẩu (Tây Á: 0,10%, Thế giới: 4,58%).

- Phật giáo Theravada (Nguyên thủy/Thượng tọa bộ): Chiếm 0,01% (Tây Á: 0,15%, Thế giới: 1,69%).

- Phật giáo Mật tông (Kim cương thừa): Dù có hiện diện nhưng con số ghi nhận tại Thổ Nhĩ Kỳ dừng lại ở mức không đáng kể hoặc chưa có thống kê cụ thể (Tây Á: 0,00%, Thế giới: 0,23%).

3. Dấu chân Thiền Khê trên đất Thượng Khúc

3.1. Mối duyên từ thảo nguyên Trung Á đến con đường tơ lụa

Dòng chảy lịch sử của Phật giáo gắn liền với cội nguồn của các dân tộc Turk từ thời cổ đại, thuở chưa hình thành nên quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại. Các công trình khảo cổ và biên khảo học thuật đã chỉ ra rằng, từ thế kỷ thứ V đến thế kỷ thứ IX, những bộ lạc Turk thời kỳ đầu đã có cơ duyên tiếp xúc, thấu hiểu và thọ trì ánh sáng phật pháp.

Nhân duyên ấy nở hoa dọc theo nhịp bước giao thương trên Con đường Tơ lụa huyền thoại, nơi Phật giáo từng có thời gian dung hợp, sống chung hòa bình cùng các hệ thống tín ngưỡng cổ xưa khác như Tengrism (Tengri giáo) là một hệ thống tín ngưỡng và tôn giáo cổ xưa có nguồn gốc từ vùng thảo nguyên Á-Âu, tập trung vào việc thờ phụng thần tối cao Tengri (Thần Bầu trời xanh vĩnh cửu), Manichaeism (Minh giáo), một tôn giáo cổ mang tính dung hợp và nhị nguyên

luận mạnh mẽ và Zoroastrianism (Hỏa giáo), một trong những tôn giáo độc thần cổ xưa nhất thế giới.

3.2. Giữa miền sỏi đá Anatolia: Cõi thực và cõi hư

Trên lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, những chứng tích vật chất trực tiếp của Phật giáo vô cùng hiếm hoi và chìm khuất trong sương khói thời gian. Địa danh được nhắc nhở nhiều nhất trong các cuộc tranh biện học thuật chính là Chùa Phật giáo Ahlat, tọa lạc tại quận Ahlat, tỉnh Bitlis.

Công trình này được phỏng định niên đại từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV, thường được gắn liền với từng bước chân an lạc của các vị Sứ giả Như Lai, truyền bá giáo pháp Phật đà lan rộng về phương tây của người Mông Cổ tiến vào vùng Anatolia. Tuy nhiên, việc khẳng định nơi đây đích thị là một ngôi già-lam Phật giáo vẫn là một nghi vấn mở trong giới nghiên cứu.

Nằm ẩn mình trong một quần thể hang động tại khu vực Harabeşehir, di tích này phảng phất những nét chạm trổ như hình chim công và họa tiết hoa sen trung tâm, những biểu tượng thuần khiết thường quy chiếu về thế giới của Đức Từ Tôn. Dù vậy, các học giả vẫn giữ sự thận trọng khi cho rằng, chỉ riêng các họa tiết ấy là chưa đủ để định vị đây là một chốn tổ đình Phật giáo.

3.3. Sương khói thời gian, sự chuyển hóa của các triều đại

Khi dòng thời gian trôi về cuối thời kỳ trung cổ, quá trình Hồi giáo hóa các dân tộc Turk diễn ra mạnh mẽ, cùng với sự củng cố chủ quyền chính trị của triều đại Seljuk và kế tiếp là Đế chế Ottoman hùng mạnh, đã khép lại một chương lịch sử của Phật giáo có tổ chức tại vùng đất này.

Phật giáo đã không thể thiết lập được những ngôi tòng lâm, cấu trúc thể chế trường tồn trên đất Anatolia, và dần vắng bóng hoàn toàn trong không gian tín ngưỡng chính thống của Đế chế Ottoman.

“Mọi hình tướng thế gian đều là huyễn hóa, thị hiện rồi lại dung hòa vào không gian. Phật giáo tại Thổ Nhĩ Kỳ dẫu chỉ như một ánh chớp duyên sinh đi qua lịch sử du mục, nhưng hạt giống tỉnh thức ấy vẫn là một trang minh triết lặng lẽ giữa cõi vô thường.”

4. Dòng chảy hương thiền viễn xứ

4.1. Cội nguồn những bóng hình viễn xứ

Cộng đồng quy hướng về Đức Từ Tôn tại Thổ Nhĩ Kỳ phần lớn không sinh ra từ lòng đất mẹ Anatolia, mà là những người con Phật tha hương từ các vùng đất Đông Á và Đông Nam Á xa xôi. Họ mang theo hạt giống Chính pháp đến đây trong dòng chảy mưu sinh và phụng sự, bao gồm các nhà ngoại giao mẫn cán, những thương gia, chuyên gia kinh doanh, hay những lưu học sinh đang miệt mài đèn sách.

4.2. Cơ duyên bản địa và sự khất thực của số liệu

Bên cạnh cộng đồng viễn xứ, dẫu số lượng vô cùng khiêm tốn, vẫn có một bộ phận nhỏ công dân bản địa Thổ Nhĩ Kỳ tự thân quy hướng và thực hành đạo giác ngộ giải thoát. Cơ duyên ấy thường khởi nguồn từ sự thức tỉnh qua các khóa thực hành thiền định, niềm thao thức triết học sâu xa, hoặc nhờ ánh sáng từ những trang kinh điển, tác phẩm Phật giáo được dịch ngữ.

Tuy nhiên, do Phật giáo chưa nhận được sự công nhận chính thức từ chính quyền sở tại, nên các dữ liệu nhân khẩu học toàn diện và tường tận, ngoài những con số ước định từ các cơ quan nghiên cứu quốc tế, vẫn còn là những khoảng lặng chưa được thống kê rõ ràng.

"*Dù bóng áo lam hay sắc vàng phất phơ giữa chốn người qua lại đông đúc, mỗi một hành giả thực hành tâm từ bi và tỉnh thức chính là một bảo tháp di động, âm thầm chuyển hóa nhân gian bằng hương thơm của giới định tuệ*".

5. Đốm lửa âm thầm trong lòng thế gian

5.1. Vắng bóng danh phận thế gian

Tại nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, Phật giáo chính thức chưa được nhà nước công nhận về mặt pháp lý.

Chính vì thiếu vắng địa vị thể chế này, các hội đoàn hay cộng đồng Phật giáo nơi đây không nhận được các khoản tài trợ công từ ngân sách nhà nước, cũng như không thụ hưởng những quyền lợi định chế vốn được dành riêng cho một số tôn giáo lớn được chính quyền bảo trợ.

5.2. Quyền tự do tâm linh trong khoảng lặng riêng tư

Dẫu không có danh xưng chính thống trên giấy tờ, nền tảng pháp lý của quốc gia này, chiếu theo tinh thần Hiến pháp Thổ Nhĩ Kỳ - vẫn bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng cơ bản cho mỗi cá nhân.

Nhờ đó, việc tu tập, hành trì phật pháp và nương náu vào triết lý giác ngộ vẫn được nhìn nhận, dung thứ và sinh hoạt trong các không gian riêng tư, các buổi hội họp gia đình hoặc các đạo tràng không chính thức của cộng đồng người hâm mộ đạo pháp.

"Đạo pháp chân chính vốn chẳng câu nệ danh xưng hay sắc áo của thế gian. Khi tâm hồn đã hướng về bến bờ giác ngộ, mọi rào cản về thể chế hay luật pháp cũng chỉ như làn mây mỏng bay qua bầu trời vĩnh cửu."

6. Đóa sen thức tỉnh giữa đô thị phồn hoa

6.1. Gót chân hành giả chốn thị thành

Trong nhịp sống cuồn cuộn của Thổ Nhĩ Kỳ đương đại, thực hành Phật giáo không phô trương qua các chốn tòng lâm bề thế, mà dung mình trong những không gian tĩnh lặng mang tính phi chính thức.

Hương thơm thiền vị ấy lan tỏa qua các nhóm hành thiền, các hiệp hội văn hóa, hay thậm chí là những góc nhỏ trong các phòng tập yoga – nơi tâm hồn con người tìm về sự tĩnh lặng giữa cơn lốc mưu sinh. Các hoạt động này quy tụ mạnh mẽ tại các đô thị lớn như Istanbul, Ankara và İzmir. Thêm vào đó, thỉnh thoảng một số tổ chức Phật giáo quốc tế cũng nhân duyên hội đủ để quang lâm, tổ chức các khóa tu học và chuyển bánh xe pháp tại vùng đất này.

6.2. Biểu tượng của tinh thần thế tục

Câu chuyện hy hữu diễn ra vào năm 2015, trong bối cảnh tranh luận sôi nổi về việc xây dựng đền đài, phòng cầu nguyện trong các khuôn viên đại học.

Khi ấy, một nhóm sinh viên đã đưa ra yêu cầu mang tính biểu tượng: xin phép xây dựng các ngôi tự viện Phật giáo và đền thờ Jedi (một hình tượng triết lý trong văn hóa đại chúng). Hành động này không đơn thuần là một thỉnh nguyện tôn giáo, mà sâu xa hơn, đó là một tiếng nói phản biện sắc sảo, một hình thức biểu đạt tinh thần thế tục và sự đa dạng văn hóa giữa chốn giảng đường.

"Đạo pháp luôn tùy duyên ứng hiện. Dẫu ở chốn thâm sơn cùng cốc hay giữa lòng đô thị tấp nập, chỉ cần một niệm tỉnh thức quay về, đóa sen tâm linh liền tự khắc nở rộ."

7. Góc nhìn xã hội và sự lan toả của tuệ giác

7.1. Phật giáo qua lăng kính truyền thông và đời sống

Các nghiên cứu xã hội học chỉ ra rằng, giới truyền thông đại chúng tại Thổ Nhĩ Kỳ nhìn chung khắc họa hình ảnh Phật giáo theo chiều hướng trung lập hoặc tích cực. Ngoại lệ duy nhất xuất hiện trong những bản tin thời sự phản ánh các cuộc khủng hoảng chính trị xảy ra tại Myanmar, nơi vấn đề sắc tộc và tôn giáo đan xen phức tạp.

Đối với đông đảo công chúng bản địa, nhận thức và thiện cảm về đạo Phật không đến từ các buổi thuyết pháp chốn đông người, mà được nuôi dưỡng qua những thước phim tài liệu khám phá, các chương trình du lịch văn hóa, làn sóng phim ảnh châu Á, các lớp thực hành yoga, cùng với dòng chảy của văn học dịch thuật.

7.2. Dấu ấn triết lý qua những trang sách dịch

Ánh sáng từ bi và trí tuệ của Chính pháp cũng âm thầm chảy vào đời sống tư tưởng Thổ Nhĩ Kỳ thông qua ngôn từ. Tính đến nay, đã có ít nhất 40 đầu sách viết về Phật giáo được chuyển ngữ sang tiếng Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong số đó, những trước tác sâu sắc của các bậc cao tăng và học giả lớn thế giới - tiêu biểu như các tác phẩm của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Thiền sư Thích Nhất Hạnh, hay nhà phân tâm học Erich Fromm - đã trở thành những người bạn đồng hành tĩnh lặng, nuôi dưỡng tâm hồn cho những ai đang tìm kiếm sự bình an nội tại giữa thế gian biến động.

“Một giọt nước cam lộ rơi xuống đất khô cằn sẽ hóa thành mầm xanh; một trang kinh, một ý niệm tỉnh thức được gieo vào nhân gian cũng đủ sức xoa dịu bao nỗi niềm thao thức của con người.”

8. Phật giáo Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại, dòng chảy tiềm ẩn và sự thức tỉnh của ký ức

8.1. Tiếng chuông vọng giữa lòng Istanbul

Giữa lòng cõi đời hiện đại tại Thổ Nhĩ Kỳ, cộng đồng Phật tử tuy mỏng manh, thưa vắng nhưng vẫn âm thầm gìn giữ đốm lửa thiền tâm. Nương tựa bên bờ biển Marmara, phía thuộc châu Á của eo biển Bosphorus tại Istanbul, có một bóng áo lam viễn xứ – vị Phật tử người Thổ Nhĩ Kỳ gốc Đức, Cengiz Oezcan –

thường xuyên vượt dặm dài từ mái nhà ở Hamburg trở về quê hương chôn nhau cắt rốn để hoằng dương chính pháp, sẻ chia đạo vị cùng những ai hữu duyên.

Nhớ lại cơ duyên mười năm trước, khi đặt chân trở lại chốn xưa để khảo cứu nhân duyên Phật pháp, ông chia sẻ:

"*Khi ấy, tôi hầu như chẳng tìm thấy gì ngoài một đôi người hướng dẫn các khóa thiền nhỏ lẻ. Và đến nay, ngó lại dường như mọi sự vẫn thế*."

Oezcan bộc bạch thêm về những nỗi niềm của người hoằng pháp giữa xứ sở Hồi giáo thuần nhất:

"*Mọi người tìm đến chúng tôi, thổ lộ niềm mến mộ với triết lý Phật Đà và thiền định. Khi tôi hỏi họ cơ duyên nào dẫn lối, họ đều đáp rằng đã tra cứu trên mạng và 'chúng tôi là địa chỉ duy nhất xuất hiện'. Do đó, nền tảng vẫn còn rất sơ khai. Yoga thì hưng thịnh đấy, nhưng yoga chẳng phải là Phật giáo. Người ta cũng thực hành thiền, dẫu rằng thiền chỉ là một phần trong vô lượng hạnh tu của người con Phật. Hồi giáo đã cắm rễ sâu xa vào tâm thức văn hóa nơi đây; dẫu có người không hành trì thường nhật, thì dư ảnh của đức tin ấy vẫn hiện hữu trong mọi ngóc ngách đời sống, khiến Phật giáo bị nhìn nhận như một cõi giới khác lạ. Chính vì lẽ đó, chúng tôi luôn tâm niệm định hướng nơi đây như một trung tâm tĩnh lặng và thiền định hơn là một danh xưng tôn giáo biệt lập.*"

8.2. Bóng hình lịch sử và nhịp cầu giao thoa giữa các dân tộc Turk

Nhìn rộng ra bình diện các quốc gia Turkic đương đại, đại bộ phận đều dung hợp bản sắc dân tộc gắn liền với Hồi giáo, đôi khi dùng di sản vương triều làm điểm tựa chính trị. Tuy nhiên, vẫn có những cõi giới ngoại lệ đầy hoài niệm như Cộng hòa Tuva, nơi cộng đồng Phật giáo Turkic giữ vai trò chủ đạo trong đời sống chính trị địa phương; hay Huyện tự trị Sunan Yugur tại Trung Quốc, nơi người Yugur vàng, cộng đồng Phật tử Turkic truyền thống hiếm hoi còn lại, cùng chia sẻ nhịp sống hòa hợp với người Hán và người Tây Tạng.

Nhắc đến hành trình khảo cứu vùng Trung Á, học giả Phật giáo Tiến sỹ Alexander Berzin – người từng dày công xây dựng lý thuyết hậu thuộc địa về Á - Ấn sau thời kỳ Anh trị – đã chọn cách tiếp cận thấu cảm, tránh rơi vào những định kiến bài xích hay xem Phật giáo như một nạn nhân thuần túy. Vào thập niên 1990, ông từng hội ngộ các giáo sư tại Thổ Nhĩ Kỳ và các học giả khắp Kyrgyzstan, Uzbekistan, Kazakhstan, cũng như ghé thăm cộng đồng người Mông Cổ Kalmyk tại Tân Cương năm 1994 để đàm đạo về mối tương quan thâm sâu giữa Hồi giáo và Phật giáo.

Berzin hồi tưởng: "*Các giáo sư ở Tân Cương vô cùng cởi mở và tha thiết với Phật giáo, chỉ tiếc là khi ấy chưa có đạo tràng nào hình thành. Điểm tựa tâm linh duy nhất tôi có dịp đàm đạo là tại Almaty, Kazakhstan, nơi mọi người dung chứa và rộng mở với muôn vàn pháp môn tu tập, bao gồm cả Phật giáo.*"

Tháng 4 năm 1990, dưới sự bảo trợ của tổ chức Phật giáo Liên Xô tại Moscow, Berzin trở thành vị giảng sư tiên phong trong thời hiện đại thuyết pháp về Phật giáo tại Tuva trước sự chứng kiến của bốn mươi tâm hồn khao khát đạo vị tại Viện Nghiên cứu Ngôn ngữ, Văn học và Lịch sử Tuva. Trong những ngày tháng Bức tường Berlin sụp đổ, người dân Tuva trỗi dậy niềm khát khao tìm về cội nguồn tâm linh tiền hiện đại, dẫu rằng tâm thức họ vẫn còn ngập ngừng giữa ngã ba đường của một thời đại từng bị tổn thương bởi bóng tối vô thần.

"*Người dân khi ấy hoàn toàn trắng tay về kiến thức Phật giáo, nhưng tuyệt nhiên họ không phải tín đồ Hồi giáo. Họ thỉnh mời các bậc thầy người Buryat đến để thiết lập nghi lễ và phác thảo tương lai. Dù dòng chảy Phật giáo Tây Tạng - Mông Cổ từng hiện diện nơi đây, nhưng trước đó nó chỉ tồn tại như những lớp khảo cổ trầm tích*," Berzin chia sẻ. "*Hỏi rằng Phật giáo đã vươn mình thế nào trong thời kỳ hậu cộng sản? Quả thực, sức mạnh ấy khởi phát từ những bậc trưởng thượng, từ khát vọng khôi phục phong tục cổ truyền. Và giờ đây, Phật giáo tại đó đang đơm hoa kết trái mạnh mẽ*".

8.3. Tiếng vọng ngàn năm từ di sản Uyghur và trang sử văn học Thổ Nhĩ Kỳ

Ngày nay, không ít học giả Thổ Nhĩ Kỳ đã dấn thân nghiên cứu sâu sắc về tiếng Uyghur cổ, một nhánh quan trọng trong kho tàng ngôn ngữ và tôn giáo Turkic cổ đại. Từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ XIV, người Uyghur từng thực hành một trong những dòng chảy Phật giáo hưng thịnh bậc nhất tại vùng đất ngày nay là Tân Cương. Qua nhân duyên hòa thuận cùng người Mông Cổ, văn hóa tôn giáo ấy đã khéo léo dung hợp vào đại tạng kinh điển Phật giáo Mông Cổ.

Khác với tông phong tu viện triết học Nalanda (tiền thân của Phật giáo Tây Tạng), các Phật tử Duy Ngô Nhĩ xưa kia đặt trọng tâm hành trì vào Kinh Kim Quang cùng hạnh nguyện tích lũy phước báu thông qua sự sùng kính và những thời kinh tụng mà hàng cư sĩ tại gia dễ dàng thực hành.

Học giả người Thổ Nhĩ Kỳ Münevver Ebru Zeren bày tỏ niềm kinh ngạc: "*Khi nghiên cứu sử liệu Phật giáo trong cộng đồng người Turk, tôi vô cùng ngỡ ngàng khi nhận ra Phật giáo đã bén rễ vững chắc hơn một thiên niên kỷ trong các vương triều Thổ Nhĩ Kỳ. Rõ ràng, hương thơm văn hóa ấy vẫn lưu dấu đậm đà*

trong thi ca, nghệ thuật Thổ Nhĩ Kỳ từ thuở sơ khai của triều đại Hồi giáo."

Bà giải thích thêm: "*Những đóng góp của người Thổ Nhĩ Kỳ vào sự hưng thịnh của Phật giáo Đại thừa tại Trung Hoa cho đến nay vẫn chưa được tường minh trong chính sử Thổ Nhĩ Kỳ hay Trung Hoa. Việc thấu suốt sợi chỉ đỏ văn hóa liên tục trong nghệ thuật và thi ca Thổ Nhĩ Kỳ mang ý nghĩa vô cùng trọng đại. Ta chẳng thể tài nào lý giải trọn vẹn sự phát triển của nghệ thuật và văn học nơi đây nếu bỏ quên nền tảng văn hóa Manichaean và Phật giáo. Xuyên suốt từ thời Hung Nô (Xiongnu) cho đến hoàng triều Ottoman, người Thổ Nhĩ Kỳ vẫn luôn duy trì một thái độ tôn trọng dung hợp đối với mọi tín ngưỡng của muôn dân trăm họ.*"

"*Dòng thời gian dẫu cuốn trôi bao vương triều và thay đổi bao lớp nhân sinh, nhưng hạt giống từ bi và trí tuệ từng được gieo cội từ ngàn xưa trên thảo nguyên và miền sỏi đá vẫn mãi là dòng ngầm thanh tịnh, chờ ngày trổ hoa giữa cõi vô thường*."

9. Hương Phật pháp trong văn hóa và thơ ca Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại

9.1. Tiếng vọng từ phương Tây: Sứ điệp của Ahmet Mithat Efendi

Trong khi làn sóng các cuộc thám hiểm khảo cổ trỗi dậy mạnh mẽ sau phát hiện về các bản khắc Orkhon – thu hút các nhà khoa học từ khắp Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Thụy Điển, Phần Lan và Trung Quốc nhằm bồi đắp cho ngành Thổ Nhĩ Kỳ học (Turkology) – giới văn nhân Ottoman cũng bắt đầu thể hiện sự uyên bác đa chiều về Phật giáo.

Năm 1890, khi phái đoàn Nga đầu tiên đặt chân đến Đông Turkestan và gặt hái những thành tựu nghiên cứu đáng chú ý, nhà văn Ahmet Mithat Efendi đã cho ra đời tác phẩm sử ký nổi tiếng mang tựa đề Ba mươi nghìn Phật tử ở Paris (ban đầu được đăng tải nhiều kỳ trên mặt báo trước khi in thành sách).

Là một ngòi bút sung mãn với các bài luận tiến bộ về văn học Nga, người tiên phong viết truyện ngắn theo phong cách phương Tây trong văn học Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời là người bảo trợ tận tâm cho các nữ sĩ tài danh như Fatma Aliye, Ahmet Mithat từng qua các tạp chí Pháp để tiếp nhận mối quan tâm dân tộc học về Phật giáo sau khi tham dự Đại hội Phương Đông học lần thứ VIII (năm 1889) tại Stockholm và Christiania. Vượt qua khuôn khổ của những trang văn hư cấu, những chi tiết mà ông khắc họa về sự lan tỏa của Phật giáo khắp cõi Âu châu có

thể xem là nỗ lực tự do và tiến bộ nhằm thu hẹp khoảng cách văn hóa, bồi đắp niềm thông cảm giữa Đế chế Ottoman và phương Tây.

9.2. Nhân duyên học thuật và nguồn cội của Đức Tôn Sư

Đến thời kỳ cận đại, Đại học Ankara đã kiến thiết được một chương trình nghiên cứu Phật giáo bài bản nhờ nhân duyên đón nhận nhà Ấn Độ học người Đức Walter Ruben – một học giả gốc Do Thái đã tìm đến Thổ Nhĩ Kỳ để lánh nạn trước sự bức hại của Đức Quốc xã.

Đến năm 1949, trường đại học tiếp tục bổ nhiệm Hilmi Ömer Buddha làm giáo sư tại Khoa Thần học. Thuyết của ông cho rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vốn xuất thân từ tộc người Saka – một bộ lạc gồm một triệu nhân khẩu tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ VI trước Tây lịch. Nhận định này sau đó đã được các học giả phương Tây như Michael Witzel và Christopher I. Beckwith đồng vọng, khi họ cũng cho rằng cội nguồn của bộ tộc Saka gắn liền với những người du mục Trung Á.

Dẫu rằng đôi khi khoa học xã hội thời kỳ đầu còn vướng phải xu hướng quy chiếu Âu châu làm trung tâm, mang màu sắc giả khoa học và bị chi phối bởi chính trị, nhưng đó không phải là con đường duy nhất mà Phật giáo thấm đẫm vào chủ nghĩa hiện đại Thổ Nhĩ Kỳ.

9.3. Sắc sen siêu thực: Thi ca và tiếng vọng ngàn năm

Nhà thơ Asaf Hâlet Çelebi đã làm cho diện mạo thi ca nước nhà thêm phần sâu thẳm khi lồng ghép tinh tế các mô típ Phật giáo, dung hợp các khái niệm cao quý như Bồ Tát, Siddhartha (Thái tử Tất-đạt-đa) và ma vương Mara vào những vần thơ ca ngợi sự phong phú của các hệ thống tín ngưỡng trên khắp hành tinh từ thời cổ đại.

Çelebi – người được tôn vinh là nhà thơ siêu thực đầu tiên của Thổ Nhĩ Kỳ – vốn mang sẵn khuynh hướng tâm linh thâm sâu từ gia đình thuộc dòng phái huyền bí Sufism của đại thi hào Rumi. Tập thơ mang tựa đề Om Mani Padme Hum phát hành năm 1953 của ông chính là một minh chứng rạng ngời cho sự dung hợp mầu nhiệm ấy.

Chia sẻ về hiện tượng này, Michael Erdman, chuyên viên thư khố tại Thư viện Anh quốc, nhận định: *“Điều trọng yếu là phải nhìn nhận tác phẩm này như một sản phẩm của thời kỳ mà giới sử học và trí thức Thổ Nhĩ Kỳ vô cùng thao thức trước sự hưng vong của các đế chế cùng nhà nước Turkic thời kỳ tiền Hồi giáo, một phần được khơi nguồn từ việc tiếp thu các biên khảo lịch sử của phương*

Tây về vùng đất này".

"*Trải qua bao biến động của thời gian, từ những bản khắc cổ trên thảo nguyên đến những trang thơ siêu thực giữa lòng đô thị, hạt giống từ bi và trí tuệ vẫn âm thầm nảy lộc, minh chứng cho một chân lý: Chính pháp vốn không biên giới, luôn hiện hữu trong tâm hồn những ai khao khát tìm về cội nguồn bình an vĩnh cửu*".

***

Tham khảo nguồn: https://en.wikipedia.org và https://blindfieldjournal.com
Tổng hợp, Việt dịch và biên tập: **Thích Vân Phong**